TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HSST
Ngày: 19 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Công Đoàn.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Đông, ông Nguyễn Mạnh Huấn và ông Nguyễn Văn Đúng.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thanh và ông Vũ Huy Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nhữ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/HSST ngày 11/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 12/3/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 3 năm 20024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Hồng H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 2, phường Quang Tr, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên chuyên viên Liên đoàn lao động thị xã Duy T; Đảng, đoàn thể: Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 15/01/2024; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Bùi Khải H và bà Nghiêm Thị Hồng V; vợ: Đặng Thị Kim D; con: Có 02 con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

2. Tạ Văn U, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Thôn 2 Phú Đ, xã Công L, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số nhà 45, ngõ 86 đường Nguyễn Phúc L, phường Liêm Ch, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên bị khai trừ khỏi đảng ngày 06/02/2024; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị Kim H; con: Có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày

11/5/2023 đến ngày 12/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 1, xã Phù V, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Công đoàn viên chức tỉnh Hà Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên bị khai trừ khỏi đảng ngày 06/02/2024; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Quang Ph (đã chết) và con bà Nguyễn Thị S; chồng: Nguyễn Bá Th; con: Có 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

4. Trần Kh, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 62, tổ 5, phường Lương Khánh Th, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ phụ trách phòng đào tạo Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên bị khai trừ khỏi đảng ngày 06/02/2024; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Trần Th (đã chết) và con bà Lương Thị Kim M; vợ: Hà Hải Y; con: Có 02 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến ngày 12/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Kh: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố Văn Phái, phường Bạch Th, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Hoàng Việt D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 9, phường Hai Bà Tr, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Trung Hạ Đại V, xã Thanh Ng, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 1, xã Phù V, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Đỗ Mạnh L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 2 Thanh Nộ, xã Thanh S, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nghiêm Xuân B, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông, phường Châu Gi, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt).

- Ông Phạm Thanh Bình, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Thanh Nộn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Bùi Đình Kh, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 4, phường Lê Hồng Ph, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1986; bà Đặng Khánh H, sinh năm 1981; ông Trần Hoàng L, sinh năm 1974; ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm; bà Lục Việt H, sinh năm 1978; ông Trịnh Văn H, sinh năm 1982; bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1988; ông Vũ Trí D, sinh năm 1975; ông Lương Xuân V, sinh năm 1978; ông Lại Trung H, sinh năm 1987; ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1975; ông Trần Ngọc H, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979; ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; bà Nghiêm Thị H, sinh năm 1984; ông Trịnh Văn B, sinh năm 1964; bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1985; bà Dương Thị Minh Th, sinh năm 1964; ông Trần Tùng Ph, sinh năm 1981; ông Khổng Bình Ng, sinh năm 1963; ông Nguyễn Bạch D, sinh năm 1977; ông Trần Huy B, sinh năm 1979; ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; ông Phạm Đức Ng, sinh năm 1978; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1980; ông Lê Hồng Q, sinh năm 1989; ông Nguyễn Lâm Á, sinh năm 1976; ông Đặng Quang C, sinh năm 1972; ông Đặng Nguyễn Q, sinh năm 1969; ông Vũ Trọng S, sinh năm 1984; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; ông Lê Thanh T, sinh năm 1979; ông Trần Xuân N, sinh năm 1981; ông Nghiêm Xuân H, sinh năm 1977; ông Đinh Văn T, sinh năm 1967; ông Nghiêm Xuân H, sinh năm 1971; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tiền thân là Trường trung cấp nghề kinh tế kỹ thuật Hà Nam và trước đó là Trường nghề số 6 trực thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; địa chỉ cơ sở 1 đặt tại đường Trần Nhật Duật, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; cơ sở 2 đặt tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Ngày 01/3/2019, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ra Quyết định số 354/QĐ-TLĐ về việc chuyển Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam. Trường có nhiệm vụ thực hiện công tác đào tạo các ngành nghề gồm: Lái xe ô tô; sửa chữa điện, điện lạnh ô tô, sửa chữa gầm ô tô; sửa chữa máy tính phần cứng, vi tính văn phòng, hàn điện, may công nghiệp…

Tổ chức bộ máy của Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam, gồm có:

- Ban giám hiệu gồm: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

- Các phòng chức năng gồm: Phòng đào tạo, Phòng kế toán, Phòng tổ chức - Hành chính - Quản lý học sinh, sinh viên.

- Các khoa gồm: Khoa điện, Khoa công nghệ thông tin, Khoa cơ khí công nghệ ô tô, Khoa xây dựng - may và thiết kế thời trang, Khoa giáo dục thường xuyên.

- Các Trung tâm gồm: Trung tâm đào tạo lái xe công đoàn, Trung tâm sát hạch lái xe.

Ban giám hiệu của nhà trường giai đoạn từ 2010 đến tháng 8/2023 gồm:

- Bùi Hồng H - Chức vụ: Hiệu trưởng kiêm Chủ tịch Hội đồng Trường từ tháng 5/2010 đến tháng 05/2019.

- Nguyễn Thị H - Chức vụ: Phó hiệu trưởng trường từ tháng 4/2019 đến tháng 02/2021.

- Tạ Văn Ư - Chức vụ: Hiệu trưởng kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng trường từ tháng 11/2020 đến tháng 5/2023.

- Giai đoạn từ tháng 6/2020 đến 31/10/2020, Hội đồng trường gồm có: Ông Trịnh Văn B - Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng trường, Bùi Hồng H - Phó chủ tịch hội đồng, Nguyễn Thị H thành viên, Bùi Đình Kh thành viên, Trần Thị S thư ký.

- Giai đoạn từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2022, Hội đồng trường gồm có: Ông Trịnh Văn B - Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng trường, Tạ Văn Ư - Phó chủ tịch hội đồng, Nguyễn Thị H thành viên, Phạm Đức Ng thành viên, Bùi Đình Kh thành viên, Trần Kh thành viên, Trần Thị S thư ký.

Theo quy định tại Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính Phủ, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017, Thông tư 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019, Thông tư 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải, để được đào tạo lái xe thì cơ sở đào tạo phải đáp ứng các điều kiện quy định về cơ sở vật chất, xe tập lái, giáo viên dạy lý thuyết, dạy thực hành và đảm bảo có ít nhất 01 giáo viên dạy thực hành/1 xe tập lái hạng B2/05 học viên, 01 giáo viên dạy thực hành/1 xe tập lái hạng C/08 học viên. Để đăng ký học lái xe, cơ sở đào tạo tiếp nhận hồ sơ do người học nộp và tổ chức đào tạo theo chương trình, kế hoạch. Quá trình đào tạo, lưu trữ các tài liệu, hồ sơ phục vụ đào tạo gồm: Quyết định mở lớp đào tạo nghề lái xe ô tô, quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm, báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, kế hoạch giảng dạy, danh sách học viên tham gia học, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe, sổ giáo án lý thuyết 05 môn gồm: Luật giao thông đường bộ, cấu tạo và

sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông, kỹ thuật lái xe, sổ giáo án thực hành, sổ lên lớp, sổ theo dõi thực hành lái xe; bài kiểm tra, bài thi gồm lý thuyết và thực hành, sổ cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc sổ cấp chứng chỉ đào tạo, quyết định tổ chức thi tốt nghiệp, báo cáo đề nghị tổ chức thi sát hạch, danh sách thí sinh dự sát hạch. Thời hạn lưu trữ hồ sơ là 02 năm.

Sau khi tuyển sinh học viên, Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam xây dựng Báo cáo đăng ký sát hạch, danh sách học viên lái xe, kế hoạch giảng dạy, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, bảng phân phối giờ học, lịch học toàn khóa, bảng chi tiết kế hoạch đào tạo, danh sách giáo viên dạy lý thuyết, danh sách giáo viên thực hành trên đường, lịch phân xe số tự động, thuyết minh giờ tăng ca, danh sách học viên lái xe do Hiệu trưởng trường ký đóng dấu để gửi Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam. Trên cơ sở báo cáo của trường, Sở giao thông Vận tải tiến hành rà soát kế hoạch đào tạo đảm bảo đủ thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành theo quy định.

Khi Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đào tạo học viên xong và cấp chứng chỉ, sẽ làm Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe, danh sách dự thi sát hạch kèm theo hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch lái xe gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam. Sở giao thông Vận tải sẽ tiến hành kiểm tra hồ sơ học viên, sử dụng dữ liệu quản lý DAT trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Tổng cục đường bộ Việt Nam để duyệt danh sách học viên đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch và lập biên bản kiểm tra hồ sơ lái xe đồng thời ra Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe theo danh sách thí sinh được duyệt. Sở giao thông Vận tải tiến hành tổ chức thi sát hạch, sau khi học viên thi đỗ thì cấp Giấy phép lái xe cho học viên theo quy định.

Mặc dù biết rõ các quy định trên nhưng với mục đích muốn mở được các lớp dạy nghề lái xe với số lượng đông học viên, nhằm thu hút được nhiều học viên đăng ký học để tăng nguồn thu cho nhà trường nên Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư, Trần Kh đã thiết lập các Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe không đúng với thực tế đội ngũ cán bộ, giáo viên hiện có của nhà trường báo cáo Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam để tiến hành đào tạo, cụ thể như sau:

*** Giai đoạn từ tháng 6/2010 đến 31/10/2020:**

Trong thời gian này Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đã tổ chức đào tạo, thi sát hạch lái xe cho 05 khóa học lái xe trong đó có 04 khóa học lái xe hạng B2 từ khóa K99 đến K102 và 01 khóa học lái xe hạng C khóa K35 với tổng số 336 học viên gồm: Hạng B2 là 280 học viên, hạng C là 56 học viên. Do số người đăng ký học lái xe mỗi khóa vượt quá số lượng giáo viên thực tế đang tham gia giảng dạy tại trường nên Bùi Hồng H đã chỉ đạo Nguyễn Thị H, Trần Kh hợp pháp hóa hồ sơ bằng cách đưa thêm tên những người đã từng hoặc đang làm việc tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam vào danh sách giáo viên trong các

kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe của các khoá học để đáp ứng đủ điều kiện mở lớp theo quy định là 01 giáo viên dạy thực hành/1 xe tập lái hạng B2 gồm có 05 học viên (14 giáo viên/70 học viên); 01 giáo viên dạy thực hành/1 xe tập lái hạng C/08 học viên (7 giáo viên/56 học viên). Thực hiện sự chỉ đạo của Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H đã trực tiếp soạn thảo 04 kế hoạch đào tạo, 04 tiến độ đào tạo các khoá hạng B2 từ K99, K100, K101 và hạng C-K35, Trần Kh trực tiếp soạn thảo 01 kế hoạch đào tạo, 01 tiến độ đào tạo khoá B2-K102 trình Bùi Hồng H duyệt ký gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam đề nghị mở lớp. Trong đó: Bùi Hồng H trực tiếp ký tại mục "Hiệu trưởng" của 05 kế hoạch đào tạo, 05 tiến độ đào tạo các khoá hạng B2-K99, K100, K101, K102 và hạng C-K35; Nguyễn Thị H trực tiếp ký tại mục "Người lập" của 04 tiến độ đào tạo các khoá B2-K99, K100, K101, C-K35; Trần Kh trực tiếp ký tại mục "Người lập" của 01 tiến độ đào tạo khoá B2-K102.

Danh sách các giáo viên là những người đã từng hoặc đang làm việc tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam nhưng không tham gia giảng dạy được Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H và Trần Kh đưa vào các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo của 5 khoá học gồm: Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979; trú tại tổ 7, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; trú tại tổ 4, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Nghiêm Thị H, sinh năm 1984; trú tại tổ 8, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý. Hoàng Việt D, sinh năm 1986; trú tại tổ 9, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý. Hoàng Ngọc T, sinh năm 1980; trú tại thôn 1, xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý. Nghiêm Xuân B, sinh năm 1986; trú tại tổ dân phố Đông, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Những người thực tế không làm việc tại trường, không tham giảng dạy gồm: Phạm Văn D, sinh năm 1986; trú tại tổ 8, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý. Đặng Khánh H, sinh năm 1981; trú tại tổ dân phố Bảo Lộc 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý. Trần Hoàng L, sinh năm 1974; trú tại tổ dân phố Ngô Gia Khảm, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý. Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1979; trú tại tổ 4, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Lục Việt H, sinh năm 1978; trú tại tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Trịnh Văn H, sinh năm 1982; trú tại thôn Tri Xuyên, xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm. Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1988; trú tại tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Vũ Trí D, sinh năm 1975; trú tại tổ 9, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý. Lương Xuân V, sinh năm 1978; trú tại tổ 9, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý. Lại Trung H, sinh năm 1987; trú tại tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Nguyễn Thế Q, sinh năm 1975; trú tại tổ 8, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý. Đỗ Mạnh L, sinh năm 1970; trú tại xóm 2 Thanh Nộn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Quá trình điều tra xác định:

- **Các khóa K99, K101 đào tạo lái xe hạng B2:** Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam xét duyệt thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu Th, Nghiêm Thị H, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh, Lê Hồng Q, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Lâm Á, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn D, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Nguyễn Thị Thu Tr, Lại Trung H.

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Nghiêm Thị H, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Nguyễn Thị Thu Tr, Lại Trung H những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K100, K102 đào tạo lái xe hạng B2: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam xét duyệt thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Vũ Trọng S, Nguyễn Văn Đ, Đặng Quang C, Bùi Hồng H, Đặng Khánh H, Đặng Nguyễn Q, Hoàng Việt D, Trần Hoàng L, Lê Thanh T, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Ngọc H.

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Đặng Khánh H, Hoàng Việt D, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Ngọc H những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K35 đào tạo lái xe hạng C: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam xét duyệt thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Đỗ Mạnh L, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Nghiêm Xuân H, Đinh Văn T, Phạm Thanh B, Nghiêm Văn H, Nghiêm Xuân B, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L.

Trên thực tế Đỗ Mạnh Long, Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Dương Thị Minh Th, Hoàng Ngọc T. Đối với Nghiêm Xuân B, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Cơ quan điều tra đã làm việc với các giáo viên tham gia giảng dạy các khóa học hạng B2 từ khoá K99, K100, K101, K102, hạng C-K35 và tiến hành ghi lời khai của Phạm Văn D, Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Thị H, Hoàng Việt D, Hoàng Ngọc T, Nghiêm Xuân B. Những người

này đều xác định không tham gia giảng dạy lý thuyết, thực hành lái xe các khóa học nêu trên và không biết, không bàn bạc gì với Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Trần Kh trong việc đưa khống thông tin cá nhân của họ vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam để mở lớp đào tạo lái xe.

Quá trình điều tra, xác minh thể hiện có một số giáo viên không tham gia giảng dạy nhưng có tên trong kế hoạch đào tạo đã thực hiện việc soạn, ký vào sổ lên lớp, sổ giáo án lý thuyết, bài kiểm tra, sổ giáo án thực hành lái xe, sổ theo dõi thực hành lái xe các khóa học hạng B2 từ K99, K100, K101, K102 và hạng C-K35 nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ được các sổ lên lớp, sổ giáo án lý thuyết, bài kiểm tra, sổ giáo án thực hành lái xe, sổ theo dõi thực hành lái xe của các khoá học này nên không điều tra làm rõ được.

*** Giai đoạn từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2022:**

Trong thời gian này, Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đã tổ chức đào tạo, thi sát hạch lái xe cho 24 khóa học lái xe, gồm 19 khóa học lái xe hạng B2 từ khóa K103 đến K121; 05 khóa học lái xe hạng C từ khóa K36 đến K40 với tổng số học viên là 1.610 học viên (trong đó hạng B2 là 1.330 học viên, hạng C là 280 học viên). Cũng do số người đăng ký học lái xe mỗi khoá vượt quá số lượng giáo viên thực tế đang tham gia giảng dạy tại trường nên Tạ Văn Ư đã chỉ đạo Trần Kh đưa thêm tên những người đã từng hoặc đang làm việc tại Trường nhưng không tham gia giảng dạy và những người thực tế không làm việc tại trường, không tham gia giảng dạy vào danh sách giáo viên trong các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe của các khoá học để đáp ứng điều kiện mở lớp theo quy định. Thực hiện sự chỉ đạo này, Trần Kh đã trực tiếp soạn thảo 48 kế hoạch đào tạo, 48 tiến độ đào tạo lái xe các khoá hạng B2 từ khóa K103 đến K121 và hạng C từ khóa K36 đến K40 và trực tiếp ký tên vào mục "Người lập" của 46 tiến độ đào tạo để Tạ Văn Ư duyệt ký. Tạ Văn Ư trực tiếp ký tại mục "Hiệu trưởng" trong các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe của 48 khoá học này gửi đến Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam đề nghị mở lớp.

Danh sách các giáo viên là những người đã từng hoặc đang làm việc tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam nhưng không tham gia giảng dạy được Tạ Văn Ư và Trần Kh đưa vào các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo của 24 khoá học gồm: Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Thị H, Hoàng Việt D, Hoàng Ngọc T, Nghiêm Xuân B, Phạm Thanh B.

Những người thực tế không làm việc tại trường, không tham gia giảng dạy gồm: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984; trú tại thôn Trung Hạ Đại Vượng, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm. Phạm Văn D, Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Bùi Hồng H, Nguyễn Thành V, Đỗ Mạnh

L.

Quá trình điều tra xác định:

Các khóa K103, K105, K107, K109, K111, K113, K115, K117 đào tạo lái xe hạng B2: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông vận tải tỉnh Hà Nam thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu Th, Nghiêm Thị H, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh, Lê Hồng Q, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Lâm Á, Nguyễn Văn D, Nghiêm Xuân B, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H.

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Nghiêm Thị H, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thuý H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Xuân B, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K119, K121 đào tạo lái xe hạng B2: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Đặng Quang C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu Th, Nghiêm Thị H, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh, Nghiêm Xuân B, Lê Hồng Q, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Đặng Nguyễn Q, Nguyễn Lâm Á, Nguyễn Văn D, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H.

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Nghiêm Thị H, Nghiêm Xuân B, Phạm Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K104, K106, K108, K110, K112, K114, K116 đào tạo lái xe hạng B2: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dậy thực hành là: Vũ Trọng S, Nguyễn Văn Đ, Đặng Quang C, Nguyễn Văn Ch, Bùi Hồng H, Đặng Khánh H, Đặng Nguyễn Q, Hoàng Việt D, Trần Hoàng L, Lê Thanh T, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Ngọc H.

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Nguyễn Văn Ch, Bùi Hồng H, Đặng Khánh H, Hoàng Việt D, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Ngọc H những người này không tham gia giảng dậy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K118, K120 đào tạo lái xe hạng B2: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Vũ Trọng S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Lâm Á, Đặng Khánh H, Trần Xuân N, Trần Đình D, Trần Hoàng L, Lê Thanh T, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Trần Ngọc H

Trên thực tế Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Hoàng Ngọc T. Đối với Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Hoàng Ngọc T, Trần Ngọc H những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Các khóa K36 đến K40 đào tạo lái xe hạng C: Theo kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo đã lập gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam thì danh sách giáo viên dạy lý thuyết gồm: Đỗ Mạnh L, Nguyễn Thành V; các giáo viên dạy thực hành gồm: Nghiêm Xuân H, Đinh Văn T, Phạm Thanh B, Nghiêm Văn H, Nghiêm Xuân B, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L.

Trên thực tế Đỗ Mạnh L, Nguyễn Thành V không tham gia giảng dạy lý thuyết mà thay vào đó là Dương Thị Minh Th, Hoàng Ngọc T. Đối với Phạm Thanh B, Nghiêm Xuân B, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L những người này không tham gia giảng dạy thực hành lái xe trong các khoá học này.

Để hợp thức hoá các tài liệu liên quan trong quá trình giảng dạy cho phù hợp với danh sách giáo viên trong kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo các khoá học này, theo sự chỉ đạo của Tạ Văn Ư, Trần Kh đã phân công các cán bộ Phòng đào tạo gồm: Trần Thị Mai L, sinh năm 1985; trú tại tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý. Dương Thị Minh Th, sinh năm 1970; trú tại tổ 4, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý cùng các giáo viên đang công tác tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam có tên trong kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo thực hiện soạn, ký vào sổ lên lớp, sổ giáo án lý thuyết, bài kiểm tra, sổ giáo án thực hành lái xe, sổ theo dõi thực hành lái xe các khóa học hạng B2 từ khóa K103 đến K121 và hạng C từ khóa K36 đến K40 và đôn đốc các giáo viên hoàn thiện. Trong đó:

- Trần Thị Mai L viết nội dung bài giảng trong 21 quyển sổ lên lớp các khóa học hạng B2 từ K103 đến K112 và K114 đến K120 và hạng C từ K36 đến K40 rồi đưa cho Kh, Kh giao lại cho Nguyễn Thành V, Đỗ Mạnh L là giáo viên tham gia giảng dạy các khoá học này ký hoàn thiện.

- Dương Thị Minh Th viết nội dung bài giảng trong 41 sổ giáo án lý thuyết các môn học lái xe hạng B2 từ khóa K105 đến K111; từ K113, K114, K115), hạng C khóa K37, K39, K40 và 05 sổ lên lớp hạng B2 khóa K115, K117 và hạng C khóa K38, K39, K40 rồi đưa cho Kh, Kh giao lại cho Nguyễn Thành V ký hoàn thiện, mặc dù trên thực tế V không tham gia giảng dạy các khoá học này.

- Nguyễn Thành V ký khống 63 sổ giáo án lý thuyết, 19 sổ lên lớp các khóa B2.

- Hoàng Việt soạn, ký 10 giấy tờ gồm 05 sổ giáo án thực hành lái xe hạng B2 gồm khóa K106, K108, K110, K114, K116, 05 sổ theo dõi thực hành lái xe hạng B2 từ khóa K104, K106, K108 K110, K112.

- Nguyễn Văn Ch soạn, ký 03 giấy tờ gồm 02 sổ giáo án thực hành lái xe hạng B2 khóa K114, K116, 01 sổ theo dõi thực hành lái xe hạng B2 khóa K112.

- Hoàng Ngọc T là người trực tiếp soạn 92 giấy tờ khống, trong đó soạn 77 tài liệu gồm sổ giáo án lý thuyết, sổ lên lớp để Nguyễn Thành V, Đỗ Mạnh ký hợp pháp hóa việc giảng dạy và Hoàng Ngọc T trực tiếp ký 07 sổ giáo án thực hành lái xe hạng B2 khóa K106, K108, K110, K114, K116, K118, K120, 04 sổ theo dõi thực hành lái xe hạng B2 khóa K104, K108, K110, K112, 04 sổ lên lớp hạng B2 khóa K106, K108, K112, K104.

- Đỗ Mạnh L ký 04 giấy tờ gồm 02 sổ giáo án lý thuyết hạng C khóa K39, K40, 02 sổ lên lớp hạng C khóa K39, K40.

- Nghiêm Xuân B ký 07 giấy tờ gồm 03 sổ giáo án thực hành hạng C khóa K37, K39, K40, 03 sổ theo dõi thực hành lái xe hạng C khóa K37, K38, K39, 01 sổ lên lớp hạng C khóa K38.

- Phạm Thanh B soạn, ký 05 giấy tờ gồm 03 sổ giáo án thực hành hạng C khóa K38, K39, LK40, 02 sổ theo dõi thực hành lái xe hạng C khóa K38, K39.

- Bùi Đình Kh ký 04 giấy tờ, trong đó 03 giấy tờ xác nhận việc Phạm Thanh B tham gia giảng dạy thực hành hạng C khóa K38, K39 và 01 giấy tờ xác nhận việc Bùi Đình Khiêm tham gia giảng dạy thực hành hạng C khóa K37.

Ngoài ra Trần Kh cũng trực tiếp soạn một số sổ theo dõi thực hành lái xe của Hoàng Việt D, Phạm Thanh Bh, Nghiêm Xuân B đồng thời giao trách nhiệm cho Trần Tùng Ph là cán bộ Phòng đào tạo đôn đốc các giáo viên trong trường hoàn thiện tài liệu, sổ sách đào tạo các khoá học lái xe nêu trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam, khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Tạ Văn Ư, Trần Kh, thu giữ các đồ vật, tài liệu liên quan gồm:

- Thu giữ 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 1) được đựng trong phong bì thư niêm phong dán kín và 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 2) được đựng trong phong bì thư niêm phong dán kín là dữ liệu thu giữ tại máy tính phòng làm việc của Tạ Văn Ư, Trần Kh.

- Các giấy tờ, tài liệu thu giữ tại nơi làm việc của Tạ Văn Ư, Trần Kh được cho vào 06 thùng cattong được niêm phong dán kín ký hiệu K1, K2, K3, K4.

- Tạm giữ của Trần Kh: 01 điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã đề nghị Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam và Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam cung cấp các tài liệu có liên quan đến việc đào tạo, sát hạch lái xe trong thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2022, kết quả đã thu được các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo (báo cáo 1) của 23 khóa học lái xe hạng B2 từ khóa K99 đến K121 và 6 khóa học lái xe hạng C từ K35 đến K40.

Ngày 21/6/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 73/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trong 06 sổ giáo án thực hành, sổ theo dõi thực hành lái xe mang tên Phạm Thanh B có chữ ký, chữ viết của Phạm Thanh Bình, Bùi Đình Khiêm (Ký hiệu A1 đến A6).

Tại bản kết luận giám định số 387/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam đã kết luận:

- Chữ ký không đứng tên dưới mục: "Trưởng ban nghề" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; "Giáo viên" từ trang số 02 đến trang số 08; dưới mục "Giáo viên", "Trưởng ban nghề" tại trang số 09 trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; "Giáo viên" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3; "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN" tại trang 19, 24, 26 trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 và chữ ký đứng tên Phạm Thanh B dưới mục "GIÁO VIÊN", "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN"; chữ viết dưới mục "RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thanh B trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra, viết ra.

- Chữ ký không đứng tên dưới mục: "Giáo viên" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; "Trưởng ban nghề" từ trang số 02 đến trang số 08 trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; "Trưởng ban nghề" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3; "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký đứng tên Bùi Đình Kh, chữ viết nội dung "Bùi Đình Kh" dưới mục "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Đình Kh trên mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M10 do cùng một người ký ra, viết ra.

Ngày 10/7/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 82/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trong 48 Kế hoạch đào tạo, Kế hoạch đào tạo điều chỉnh, Kế hoạch đào tạo bổ sung (Ký hiệu lần lượt từ A7 đến A54); 48 tiến độ đào tạo, tiến độ đào tạo điều chỉnh, tiến độ đào tạo bổ sung (Ký hiệu lần lượt từ A55 đến A102); sổ giáo án thực hành môn học: Thực hành lái xe các lớp C-K37, C-K38, C-K39, C-K40, B2- K119, B2- K121 họ và tên giáo viên: NGHIÊM XUÂN B (Ký hiệu lần lượt từ A103 đến A108); sổ theo dõi thực hành lái xe họ và tên giáo viên: NGHIÊM XUÂN B các khóa C-K37 được đánh số thứ tự lần lượt từ 01 đến 08 (Ký hiệu A109); sổ theo dõi thực hành lái xe họ và tên giáo viên: NGHIÊM XUÂN B các khóa C-K38 được đánh số thứ tự lần lượt từ

01 đến 09 (Ký hiệu A110); sổ theo dõi thực hành lái xe họ và tên giáo viên: NGHIÊM XUÂN B các khóa C-K39 được đánh số thứ tự lần lượt từ 01 đến 09 (Ký hiệu A111); sổ giáo án lý thuyết môn học: Kỹ thuật lái xe các lớp C-K39; C-K40, họ và tên giáo viên: ĐỖ MẠNH L (Ký hiệu lần lượt từ A112, A1163); sổ giáo án thực hành môn học: Thực hành lái xe lớp C-K40, Họ và tên giáo viên: ĐỖ MẠNH L (Ký hiệu A114); 164 (Một trăm sáu mươi tư) bài kiểm tra hết môn học, môn kỹ thuật lái xe các khóa C-K37, C-K39, C-K40 (Ký hiệu lần lượt từ A115 đến A278); Hợp đồng thỉnh giảng số 299- ĐTLX/HĐTG/2020 ngày 15/11/2020 giữa Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam với Đỗ Mạnh L (Ký hiệu A279) có chữ ký, chữ viết của Tạ Văn Ư, Trần Kh, Nghiêm Xuân B, Đỗ Mạnh L, Phạm Thanh B, Hoàng Ngọc T (Ký hiệu từ A7 đến A279).

Tại Bản kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 22/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam đã kết luận:

- Chữ ký đứng tên Tạ Văn Ư dưới mục "HIỆU TRƯỞNG", "BÊN A" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A102 và A279 so với chữ ký của Tạ Văn Ư trên mẫu so sánh Ký hiệu từ M11 đến M15 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Kh dưới mục "NGƯỜI LẬP BIỂU" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A55 đến A68, A70 đến A74 và từ A76 đến A102 so với chữ ký của Trần Kh trên mẫu so sánh Ký hiệu từ M16 đến M20 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Phạm Thanh B, chữ ký không đứng tên và chữ viết "Phạm Thanh B" dưới mục "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN", "Trưởng ban nghề" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A104 đến A114 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thanh B trên mẫu so sánh Ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký đứng tên Nghiêm Xuân B, dưới mục "GIÁO VIÊN", trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A103, từ A105 đến A111 và chữ viết dưới mục "III. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A103, A106, A108 so với chữ ký, chữ viết của Nghiêm Xuân B trên mẫu so sánh Ký hiệu từ M21 đến M25 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký đứng tên Đỗ Mạnh L và chữ viết "Đỗ Mạnh L" dưới mục "GIÁO VIÊN", "Giáo viên", "BÊN B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A112, A113, từ A115 đến A279 so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Mạnh L trên mẫu so sánh ký hiệu từ M26 đến M30 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết tại mục "Số học sinh vắng" trên mẫu cần giám định ký hiệu A112, A113 so với chữ viết của Hoàng Ngọc T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M31 đến M36 do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Mạnh L dưới mục "GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A114 so với chữ ký của Đỗ Mạnh Long

trên mẫu so sánh ký hiệu từ M26 đến M30 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận người có mẫu chữ viết đứng tên Đỗ Mạnh L và Hoàng Ngọc T trên mẫu so sánh ký hiệu M26 đến M36 có viết ra chữ viết dưới mục "Điểm thi" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A115 đến A278 hay không.

Ngày 02/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 92/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký, chữ viết trong 05 (năm) sổ giáo án thực hành; họ và tên giáo viên: HOÀNG VIỆT DŨNG (Ký hiệu lần lượt từ A280 đến A284); 05 (năm) sổ theo dõi thực hành lái xe; họ và tên giáo viên: HOÀNG VIỆT DŨNG (Ký hiệu A285 đến A289); 03 (ba) Sổ giáo án thực hành; Họ và tên giáo viên: NGUYỄN VĂN CHUNG (Ký hiệu lần lượt từ A290 đến A292); 01 (một) sổ theo dõi thực hành lái xe; Họ và tên giáo viên: NGUYỄN VĂN CHUNG (Ký hiệu A293); 07 (bảy) sổ giáo án thực hành; Họ và tên giáo viên: HOÀNG NGỌC TÙNG (Ký hiệu lần lượt từ A294 đến A300); 05 (năm) sổ theo dõi thực hành lái xe; Họ và tên giáo viên: HOÀNG NGỌC TÙNG (Ký hiệu lần lượt từ A301 đến A305); 63 (Sáu ba) sổ giáo án lý thuyết; Họ và tên giáo viên: NGUYỄN THÀNH VINH (Ký hiệu lần lượt từ A306 đến A368); 21 (hai mốt) sổ lên lớp (Ký hiệu lần lượt từ A369 đến A389); 4112 (Bốn nghìn một trăm mười hai) bài kiểm tra hết môn học (Ký hiệu lần lượt từ A390 đến A4501), có chữ ký, chữ viết của Trần Kh, Phạm Thanh Bình, Hoàng Ngọc Tùng, Nghiêm Xuân Bính, Đỗ Mạnh Long, Hoàng Việt Dũng, Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Thành Vinh, Dương Thị Minh Thu, Trần Thị Mai Lan (Ký hiệu từ 280 đến A4501).

Tại bản kết luận giám định số 612/KL-KTHS ngày 12/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam đã kết luận:

- Chữ ký đứng tên Phạm Thanh B và chữ ký không đứng tên dưới mục "TRƯỞNG KHOA/TRƯỞNG TỔ MÔN", "Trưởng ban nghề" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A280 đến A368 so với chữ ký của Phạm Thanh B trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Hoàng Việt Dũng, chữ ký không đứng tên dưới mục "GIÁO VIÊN", "Giáo viên", "NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A280 đến A289 và chữ viết: dưới mục "III. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A281, A283, A284; nội dung "Hoàng Việt Dũng" dưới mục "GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A283; nội dung "Đi học đầy đủ Tiếp thu tốt" trên mẫu cần giám định ký hiệu A289; dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A378 (tờ số 09) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Việt Dũng trên mẫu so sánh ký hiệu từ M37 đến M41 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Ch dưới mục "GIÁO VIÊN", "Giáo

viên", "NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A290 đến A293 và chữ viết: Dưới mục "III. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A290, A291, A292; nội dung "Ý thức tốt, chăm chỉ luyện tập", "Nguyễn Văn Chung" dưới mục "NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A293 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Ch trên mẫu so sánh ký hiệu từ M42 đến M46 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký đứng tên Hoàng Ngọc T, chữ ký không đứng tên dưới mục "GIÁO VIÊN", "Giáo viên", "NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN", "CHỮ KÝ GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A294 đến A301, A303, A304, A305, A370 (tờ số 32, 33), A372 (tờ số 20), A375 (tờ số 25), A382 (tờ số 28) và chữ viết: dưới mục "III. RÚT KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A298, A299; dưới mục "NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A305; dưới mục "I. ỔN ĐỊNH LỚP HỌC", "I. ỔN ĐỊNH LỚP" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A336 đến A353, A363, A364, A365, A368; dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A375 (tờ số 9, 10, 11, 13, 14); A376 (tờ số 11, 13, 14, 15, 17); A377 (tờ số 11); A379 (tờ số 12, 13, 14); A380 (tờ số 9, 11, 12, 13, 14); A383 (tờ số 12, 13); A384 (tờ số 10, 12, 13, 14, 15); A387 (tờ số 10, 11, 12, 14, 15); A388 (tờ số 12, 13, 14, 16, 17, 19); A389 (tờ số 10, 12, 13, 14, 15) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Ngọc T trên mẫu so sánh ký hiệu từ M31 đến M36 do cùng một người ký, viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận người có mẫu chữ viết đứng tên Hoàng Ngọc T, Dương Thị Minh Th, Nguyễn Thành V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M31 đến M36, từ M47 đến M54 và từ M55 đến M61 có viết ra chữ viết dưới mục "Điểm thi" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A390 đến A4501 hay không.

- Chữ viết: dưới mục "I. ỔN ĐỊNH LỚP HỌC", "I. ỔN ĐỊNH LỚP" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A306 đến A335, từ A354 đến A362, A366, A367; dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A377 (tờ số 8, 10, 12), A379 (tờ số 8, 11), A387 (tờ số 16 đến tờ số 20), A388 (tờ số 18, 20, 21, 22), A389 (tờ số 8, 9, 16, 17, 18) so với chữ viết của Dương Thị Minh Th trên mẫu so sánh ký hiệu từ M55 đến M61 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký: đứng tên Nguyễn Thành V và chữ ký không đứng tên dưới mục "GIÁO VIÊN", "Giáo viên" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A306 đến A310, A311 (trừ trang số 3), từ A312 đến A353, A354 (trừ trang số 22), từ A355 đến A368, từ A390 đến A460, từ A466 đến A531, từ A533 đến A1475, từ A1477 đến A2144, từ A2146 đến A2360, từ A2362 đến A2754, từ A2756 đến A3325, từ A3327 đến A4501; dưới mục "CHỮ KÝ GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A369 (tờ số 14, 15, 16, 18, 19), A371 (tờ số 10, 11, 12, 21, 22), A372 (tờ số 15, 16), A373 (tờ số 7, 9, 10, 11, 12); A375 (tờ số 9, 10,

11, 13, 14), A376 (tờ số 11, 13, 14, 15, 17), A377 (tờ số 8, 10, 11, 12), A378 (tờ số 9, 11, 12, 13), A379 (tờ số 8, 10 đến 14), A380 (tờ số 9, 11 đến 14), A381 (tờ số 12 (trừ chữ ký trong khung màu đỏ), 13, 14, 16, 17), A382 (tờ số 13, 14, 15, 17, 18), A383 (tờ số 8, 10, 12, 13), A384 (tờ số 10, 12 đến 15), A385 (tờ số 11, 13, 17, 20, 21), A386 (tờ số 9, 10, 13, 14, 15, 18, 19), A387 (tờ số 10, 11, 12, 14 đến 20), A388 (tờ số 12, 13, 14, 18 đến 22), A389 (tờ số 8, 9, 10, 12, 13, 16, 17, 18); và chữ viết dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A372 (tờ số 15, 16); A373 (tờ số 7, 9, 10, 11, 12); A385 (tờ số 11, 12, 13, 17, 19, 20, 21); A386 (tờ số 9, 10, 13, 14, 15, 18, 19) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thành V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M47 đến M54 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký trong khung màu đỏ dưới mục "CHỮ KÝ GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A381 (tờ số 12) và chữ ký dưới mục "Giáo viên" trên mẫu cần giám định ký hiệu A621, A626, A627, A628, A3849 so với chữ ký của Nguyễn Thành V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M47 đến M54 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thành V dưới mục "GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A311 (trang số 3), A354 (trang số 22) khác dạng so với chữ ký của Nguyễn Thành V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M47 đến M54 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

+ Chữ viết dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A369 (tờ số 14, 15, 16, 18, 19), A370 (tờ số 32, 33), A371 (tờ số 10, 11, 12, 21, 22), A372 (tờ số 20), A375 (tờ số 25), A378 (tờ số 11, 12, 13), A381 (tờ số 12, 13, 14, 16, 17), A382 (tờ số 13, 14, 15, 17, 18, 28), A383 (tờ số 8, 10), A387 (tờ số 25, 26) so với chữ viết của Trần Thị Mai L trên mẫu so sánh ký hiệu từ M62 đến M67 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết dưới mục "TÓM TẮT NỘI DUNG BÀI DẠY, KIỂM TRA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A379 (tờ số 10) so với chữ viết của Trần Kh trên mẫu so sánh ký hiệu từ M16 đến M20 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký dưới mục "CHỮ KÝ GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A387 (tờ số 25, 26) so với chữ ký của Nghiêm Xuân B trên mẫu so sánh ký hiệu từ M21 đến M25 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục "CHỮ KÝ GIÁO VIÊN" trên mẫu cần giám định ký hiệu A388 (tờ số 16, 17), A389 (tờ số 14, 15) so với chữ ký của Đỗ Mạnh L trên mẫu so sánh ký hiệu từ M26 đến M30 do cùng một người ký ra.

Ngày 22/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định số 98/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam tiến hành giám định chữ ký của Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H và Trần Kh trong 05 Kế hoạch đào tạo, 05 Tiến độ đào tạo khóa B2-K99, K100, K101,

K102, C-K35 (Ký hiệu từ A4502 đến A4511).

Tại bản Kết luận giám định số 595/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam đã kết luận:

- Chữ ký đứng tên Bùi Hồng H dưới mục "HIỆU TRƯỞNG" trên các Kế hoạch đào tạo; Tiến độ đào tạo khóa B2-K99, K100, K101, K102, C- K35 (ký hiệu từ A4502 đến A4511) so với chữ ký của Bùi Hồng H trên Biên bản ghi lời khai, Bản tự khai/Bản tường trình, Biên bản về việc thu chữ viết, chữ ký của Bùi Hồng H (Ký hiệu từ A68 đến M71) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H dưới mục "NGƯỜI LẬP BIỂU" trên Tiến độ đào tạo khóa B2-K99, K100, K101, C- K35 (ký hiệu A4507 đến A4510) so với chữ ký của Nguyễn Thị H trên Biên bản làm việc, Biên bản về việc thu chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị H (Ký hiệu từ M72, M73) do cùng một người ký ra

- Chữ ký đứng tên Trần Kh dưới mục "NGƯỜI LẬP BIỂU" trên Tiến độ đào tạo khóa B2-K102 (ký A4511) so với chữ ký của Trần Kh trên Biên bản ghi lời khai, Bản tự khai/Bản tường trình, Biên bản hỏi cung của bị can Trần Kh (Ký hiệu từ M16 đến M20) do cùng một người ký ra.

Tiến hành khai thác, trích xuất dữ liệu điện tử trong file dữ liệu máy tính của Trần Kh, kết quả xác định có các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các khóa học lái xe hạng B2, hạng C mà Tạ Văn Ư đã chỉ đạo Trần Kh lập không đúng thực tế để Ước ký gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã làm việc ghi lời khai các giáo viên có tên trong kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và 697/1.610 học viên học lái xe hạng B2 từ khóa K103 đến K121 và hạng C từ khóa K36 đến K40. Kết quả những người này xác định các học viên có nộp hồ sơ và được Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đào tạo dạy môn lý thuyết, thực hành, tham gia thi sát hạch lái xe. Giáo viên dạy môn học lý thuyết hạng B2, hạng C là Dương Thị Minh Th, Hoàng Ngọc T; giáo viên dạy môn học thực hành khóa học lái xe hạng B2 gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu Th, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh, Lê Hồng Q, Nguyễn Lâm Á, Đặng Quang C, Đặng Nguyễn Q, Vũ Trọng S, Nguyễn Văn Đ, Lê Thanh T, Phạm Thanh B, sinh năm 1969, Nghiêm Xuân B, Trần Xuân N. Hạng C gồm: Nghiêm Xuân H, Đinh Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nghiêm Văn H, Ngoài ra một số học viên khoá học lái xe hạng B2-K114 còn xác định các học viên khoá học này không được học môn học lái xe ban đêm.

Tiến hành làm việc với các cán bộ, Lãnh đạo Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam gồm: Ông Khổng Bình Ng - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở phụ trách Phòng quản lý vận tải và phương tiện người lái; ông Nguyễn Bạch D - Chức vụ: Trưởng phòng; ông Trần Huy B - Chức vụ: Phó Trưởng phòng; ông Nguyễn Thanh H - Chức vụ: Cán bộ Phòng quản lý vận tải và phương tiện người lái, kết quả: Những người này đều xác định việc tiếp nhận hồ sơ (báo cáo 1, 2) do

Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam nộp qua đường công văn, khi tiếp nhận những người này kiểm tra xem xét trên hồ sơ thấy đầy đủ đúng theo quy định, đủ điều kiện được mở các lớp học lái xe. Bản thân những người này không biết, không tham gia, không bàn bạc, không hưởng lợi gì trong việc đưa thêm giáo viên khống vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo của Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam.

Trong quá trình điều tra, Tạ Văn Ư khai đã bàn bạc, thống nhất bằng miệng với các thành viên Hội đồng Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam (gồm ông Trịnh Văn B - Chủ tịch hội đồng Trường và các thành viên là Nguyễn Thị H, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh, Trần Kh) về việc đưa thêm giáo viên không tham gia giảng dạy đã từng hoặc đang công tác tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe các hạng B2 từ khóa K103 đến K121 và hạng C từ khóa K36 đến K40. Sau đó để đưa thông tin của các giáo viên khống vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo thì Tạ Văn Ư đã trao đổi và được Phạm Văn D, Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Thị H đồng ý cho Ư, Kh sử dụng tên của họ. Tạ Văn Ư đã tự chi tiền cá nhân mua quà trị giá 300.000 đồng/người tặng cho Phạm Văn D, Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Trần Ngọc H để cảm ơn.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai, đối chất giữa Tạ Văn Ư với Trịnh Văn B, Nguyễn Thị H, Trần Kh, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Kh; kết quả đối chất xác định: Các thành viên Hội đồng nhà trường gồm Trịnh Văn B, Nguyễn Thị H, Phạm Đức Ng, Bùi Đình Khđều không biết, không tham gia bàn bạc với Tạ Văn Ư trong việc đưa thêm giáo viên khống không giảng dạy vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo như Tạ Văn Ư đã khai báo.

Tiến hành ghi lời khai, đối chất giữa Tạ Văn Ư với Phạm Văn D, Đặng Khánh HTrần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Đỗ Mạnh L, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Thị H, Hoàng Việt D, Hoàng Ngọc T; kết quả đối chất xác định những người này không tham gia giảng dậy lý thuyết, thực hành lái xe các khóa học hạng B2 từ khóa K103 đến K121 và hạng C từ khóa K36 đến K40. Họ đều không biết, không tham gia bàn bạc, không đồng ý cho Tạ Văn Ư, Trần Kh sử dụng thông tin cá nhân của mình đưa vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và không nhận quà cảm ơn trị giá 300.000 đồng/người theo như nội dung Tạ Văn Ư khai báo.

Kết quả xác minh việc thu chi học phí của 19 khóa học lái xe hạng B2 từ khóa K103 đến K121, 05 khóa học lái xe hạng C từ khóa K36 đến K40 xác định tổng số tiền học phí 24 khóa học là: 11.678.800.000 đồng, số tiền này đã được dùng để chi trả các khoản tiền lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn, thuế GTGT,

thuế thu nhập doanh nghiệp, trả phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ, mua xe ô tô tập lái, thuê xe tập lái, lắp thiết bị quản lý đào tạo lái xe của Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT- VKS - P1 ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H về tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 359 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh về tội "Giả mạo trong công tác" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh phạm tội "Giả mạo trong công tác". Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự đối với Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự đối với Tạ Văn Ư và Trần Kh; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H. Xử phạt bị cáo Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh mỗi bị cáo từ 07 (Bẩy) năm đến 07 (Bẩy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến ngày 12/10/2023; về hình phạt bổ sung các bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh phạm tội không vì mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh theo quy định tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam còn đề nghị về xử lý vật chứng.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Văn Chuyên bào chữa cho bị cáo Trần Kh: Nhất trí về tội danh và điều khoản như Cáo trạng đã truy tố; tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt, xử phạt bị cáo với mức án từ 05 (Năm) năm đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Các bị cáo: Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát; bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh nhất trí bản luận tội của Viện kiểm sát; các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo Tạ Văn Ư trong phiên toà sơ thẩm không tham gia bào chữa cho bị cáo vì trước khi mở phiên toà, ngày 12/4/2024 bị cáo Tạ Văn Ư có đơn xin từ chối Luật sư, tại phiên toà bị cáo giữ nguyên quan điểm từ chối Luật sư của mình; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do họ đã có đầy đủ các lời khai được lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Bùi Hồng H, Tạ Văn Ư, Nguyễn Thị H, Trần Kh đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu hút được nhiều học viên đăng ký học lái xe ô tô để đào tạo làm tăng nguồn thu cho Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam, trong khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 10/2020, Bùi Hồng H là Hiệu trưởng đã chỉ đạo Nguyễn Thị H là Phó hiệu trưởng, Trần Kh là cán bộ phụ trách Phòng Đào tạo đưa khống tên một số giáo viên vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các khóa học lái xe hạng B2 (K99, K100, K101, K102) và hạng C (K35) để đủ điều kiện được mở lớp theo quy định. Thực hiện sự chỉ đạo của Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H đã soạn thảo và ký tên vào mục "Người lập" trong 08 giấy tờ gồm 04 kế hoạch đào tạo, 04 tiến độ đào tạo các khóa học lái xe hạng B2 (K99, K100, K101) và hạng C (K35) đưa thêm tên 18 người vào danh sách giáo viên được phân công giảng dạy không đúng với thực tế; Trần Kh đã soạn thảo và ký tên vào mục "Người lập" trong 02 giấy tờ gồm 01 kế hoạch đào tạo và 01 tiến độ đào tạo khoá học lái xe hạng B2 (K102) đưa thêm tên 9 người vào danh sách giáo viên được phân công giảng dạy không đúng thực tế để Bùi Hồng H duyệt ký gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam xét duyệt. Quá trình đào tạo các khoá học lái xe này 27 người có tên trong danh sách giáo viên nêu trên đều không tham gia giảng dạy.

Cũng với mục đích và thủ đoạn tương tự, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến năm 2022, Tạ Văn Ư là Hiệu trưởng Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đã chỉ đạo Trần Kh đưa khống tên một số giáo viên vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo lái xe các khoá học lái xe hạng B2 (từ K102 đến K110, K112 đến K114, từ K116 đến K121) và hạng C (từ K36 đến K40) để đủ điều kiện được mở lớp theo quy định. Thực hiện sự chỉ đạo của Tạ Văn Ư, Trần Kh đã soạn 96 giấy tờ gồm 48 kế hoạch đào tạo, 48 tiến độ đào tạo lái xe các khoá học lái xe hạng B2 (từ khóa K102 đến K110; K112 đến K114; từ K116 đến K121) và khóa học lái xe hạng C (từ K36 đến K40) đưa thêm tên 22 người vào danh sách giáo viên được phân công giảng dạy không đúng thực tế để Tạ Văn Ư duyệt ký gửi Sở giao thông Vận tải tỉnh Hà Nam xét duyệt. Quá trình đào tạo các khoá học lái xe này 22 người có tên trong danh sách giáo viên nêu trên đều không tham gia giảng dạy. Ngoài ra theo sự chỉ đạo của Tạ Văn Ư thì Trần Kh còn phân công cán bộ Phòng Đào tạo cùng các giáo viên thực hiện việc soạn, ký khống 207 giấy tờ để hợp thức hoá hồ sơ, sổ sách của các khoá học cho phù hợp với danh sách giao viên đã lập khống.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H đã phạm tội "Giả mạo trong công tác" theo điểm a khoản 3 Điều 359 Bộ luật Hình sự; bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh đã phạm tội "Giả mạo trong công tác" theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 12/CT-VKS - P1 ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh về tội danh như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động và uy tín của cơ quan Nhà nước, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Hồng H là người chỉ đạo Nguyễn Thị H soạn thảo 04 kế hoạch đào tạo, 04 tiến độ đào tạo và chỉ đạo Trần Kh soạn thảo 01 kế hoạch đào tạo, 01 tiến độ đào tạo các khoá học lái xe hạng B2 và hạng C có nội dung không đúng thực tế đồng thời trực tiếp duyệt ký vào các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo này nên phải chịu trách nhiệm đối với 10 giấy tờ nêu trên.

Nguyễn Thị H theo sự chỉ đạo của Bùi Hồng H đã trực tiếp soạn thảo 04 kế hoạch đào tạo, 04 tiến độ đào tạo của các khóa học lái xe hạng B2 và hạng C có nội dung không đúng thực tế nên phải chịu trách nhiệm đối với 08 giấy tờ nêu trên.

Trần Kh thực hiện sự chỉ đạo của Bùi Hồng H và Tạ Văn Ư soạn thảo 49

kế hoạch đào tạo, 49 tiến độ đào tạo các khoá học lái xe hạng B2 và hạng C có nội dung không đúng thực tế để Ước duyệt ký; đồng thời yêu cầu cán bộ phòng đào tạo và các giáo viên soạn, ký khống 207 giấy tờ để hợp thức hoá hồ sơ giảng dậy, đào tạo lái xe nên phải chịu trách nhiệm đối với 305 giấy tờ nêu trên.

Tạ Văn Ư chỉ đạo Trần Kh soạn thảo 48 kế hoạch đào tạo, 48 tiến độ đào tạo của các khoá học lái xe hạng B2 và hạng C có nội dung không đúng thực tế để Ước duyệt ký, đồng thời yêu cầu Khoa phân công các giáo viên soạn, ký 207 giấy tờ để hợp thức hoá hồ sơ giảng dạy, đào tạo lái xe không đúng thực tế nên phải chịu trách nhiệm đối với 303 giấy tờ nêu trên.

- Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Bùi Hồng H, Tạ Văn Ư, Nguyễn Thị H, Trần Kh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Bùi Hồng H có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, có vợ là Đặng Thị Kim D là người có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng Giấy khen, có bố là ông Bùi Khải H được tặng Huy hiệu 70 tuổi Đảng, mẹ là bà Nghiêm Thị Hồng V được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Tạ Văn Ư có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, có vợ là Trần Thị Kim H là người có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, có ông ngoại là ông Trần Quang H, bố vợ là ông Trần Văn H có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tặng Giấy khen; bị cáo Nguyễn Thị H có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, có mẹ là bà Nguyễn Thị S được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị T được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, Huân chương chiến công hạng ba; bị cáo Trần Kh có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được tặng nhiều Giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, có bố là ông Trần Th, mẹ là bà Lương Thị Kim M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Bị cáo Bùi Hồng H, Tạ Văn Ư, Nguyễn Thị H và Trần Kh đều phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có hành vi vụ lợi, không gây hậu quả nghiêm trọng; các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, để xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; riêng đối với bị cáo Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H phạm tội có tính chất mức độ ít nghiêm trọng hơn các bị cáo khác trong vụ án, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng vì vậy chỉ cần xử phạt các bị cáo với mức án phù hợp và cho các bị cáo được hưởng án treo; giao các bị cáo cho cơ quan các bị cáo đang công tác quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh phạm tội không vì mục đích vụ lợi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh theo quy định tại khoản 5 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01(Một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng số IMEL: 357278096616694 bên trong lắp 01 sim số 0913299202 thu giữ của bị cáo Trần Kh, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (Một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 01) và 01 (Một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 02) là tài liệu liên quan đến vụ án do vậy cần được lưu trong hồ sơ.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Thành V, Hoàng Việt D, Nguyễn Văn Ch, Hoàng Ngọc T, Đỗ Mạnh L, Nghiêm Xuân B, Phạm Thanh B, Bùi Đình Kh là các giáo viên của Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đã tham gia soạn thảo, ký khống vào hồ sơ, sổ sách hợp thức hóa việc giảng dạy không đúng thực tế tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam. Tuy nhiên những người này là các đối tượng bị phụ thuộc, làm công ăn lương theo sự chỉ đạo của Tạ Văn Ư và Trần Kh, là cấp dưới phải chấp hành theo chỉ đạo của cấp trên, không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, không có động cơ mục đích vụ lợi, không được hưởng lợi, đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không xử lý về hình sự và có văn bản kiến nghị Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam xử lý về mặt Đảng, chính quyền đối với những người này là phù hợp.

- Đối với Phạm Văn D, Đặng Khánh H, Trần Hoàng L, Nguyễn Tuấn Đ, Lục Việt H, Trịnh Văn H, Nguyễn Thị Thu Tr, Vũ Trí D, Lương Xuân V, Lại Trung H, Nguyễn Thế Q, Trần Ngọc H, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Văn D, Nghiêm Thị H là những người có tên trong danh sách giáo viên của các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các khóa học hạng B2, hạng C tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam nhưng không tham gia giảng dạy. Quá trình điều tra có căn cứ xác định những người này không biết, không tham gia bàn bạc, không đồng ý cho Tạ Văn Ư và Trần Kh sử dụng thông tin cá nhân của họ đưa vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các khoá học lái xe nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xử lý.

- Đối với ông Trịnh Văn B là Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam (từ năm 2018 đến tháng 8/2023) kiêm Chủ tịch Hội đồng Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam từ (tháng 11/2020 đến tháng 8/2023), quá trình điều tra xác định ông B không tham gia bàn bạc, không biết gì về việc Bùi Hồng H, Trần Kh chỉ đạo đưa thêm các giáo viên khống vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các khoá học lái xe, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án không gây thiệt hại về vật chất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

- Đối với Phạm Đức Ng là Phó Giám đốc Trung tâm sát hạch lái xe, kiêm Thành viên hội đồng Trường giai đoạn từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2022 đã trực tiếp giảng dạy các khóa học lái xe hạng B2 tại Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam nhưng không tham gia bàn bạc, không biết gì về việc làm sai phạm của Tạ Văn Ư và Trần Kh nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Trần Thị Mai L, Dương Thị Minh Th là các cán bộ Phòng đào tạo Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam đã soạn nội dung các bài giảng giáo án trong sổ lên lớp, viết vào sổ giáo án lý thuyết và đôn đốc các giáo viên trong trường hoàn thiện các giấy tờ các khoá học lái xe hạng B2, hạng C theo sự chỉ đạo của Trần Kh. Quá trình điều tra xác định Trần Thị Mai L, Dương Thị Minh Th và Trần Tùng Ph không tham gia bàn bạc với Tạ Văn Ư, Trần Kh để thực hiện hoàn thiện các giấy tờ, sổ sách của các khoá học cho phù hợp với danh sách giáo viên đã lập khống; không biết các giáo viên trong kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo trên thực tế có tham gia giảng dạy hay không nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với

những người này.

- Đối với Trần Tùng Ph là cán bộ Phòng đào tạo Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hà Nam được Trần Kh giao đôn đốc các giáo viên trong trường hoàn thiện sổ sách đào tạo lái xe các khoá học lái xe hạng B2, hạng C, tuy nhiên Phong không biết các giáo viên soạn thảo, lập hồ sơ sổ sách là để hợp thức hoá việc đào tạo lái xe không đúng thực tế tại Trường nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Hồng H, Tạ Văn Ư, Nguyễn Thị H và Trần Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 359; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hồng H và Nguyễn Thị H.

Áp dụng điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 359; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Văn Ư và Trần Kh.

Áp dụng Điều 47, Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

1. Tuyên bố bị cáo: Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh phạm tội "Giả mạo trong công tác". Xử phạt:

- Bị cáo Bùi Hồng H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Hồng H cho Liên đoàn lao động thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Thị H 36 (Ba mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Liên đoàn lao động tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi công tác thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo Tạ Văn Ư 07 (Bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến ngày 12/10/2023.

- Bị cáo Trần Kh 07 (Bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến ngày 12/10/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh mỗi bị cáo trong thời hạn 01 (Một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Trần Kh: 01 (Một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng số IMEL: 357278096616694 bên trong lắp 01 sim số 0913299202 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (Một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 01) và 01 (Một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (ký hiệu 02) đây là tài liệu liên quan đến vụ án do vậy cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Hồng H, Nguyễn Thị H, Tạ Văn Ư và Trần Kh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THA Toà án tỉnh;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Luật sư;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Công Đoàn